

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HS-ST
Ngày: 20-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Phương;
2. Ông Quàng Văn Tại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T**; tên gọi khác: **Lê Thị H**; sinh ngày: 20/6/1960, tại: Xã V, V, tỉnh Thái Bình.

Nơi thường trú trước khi bỏ trốn: Khối 0 (nay là khối Đ), thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên;

Nơi thường trú khi trốn: Xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện nay: Số 512 N, tổ 0, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Q (đã chết) và con bà Vũ Thị L, (đã chết); bị cáo có chồng Nghiêm Xuân H (đã chết) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị tòa án kết tội, chưa bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã số: 20 ngày 04/9/1998 tạm giữ từ ngày 25/3/2023, tạm giam từ ngày 04/4/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Chi Cục thuế khu vực T - T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh T - Chi Cục trưởng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1982 bị cáo Lê Thị T (tên gọi khác Lê Thị H) là cán bộ của Chi cục Thuế huyện T (nay là Chi Cục thuế khu vực T - T) được giao nhiệm vụ làm thủ quỹ cơ quan. Nhiệm vụ chính của bị cáo là quản lý thu, chi các loại quỹ, các khoản thu, chi thuế nộp ngân sách Nhà nước của Chi cục Thuế, cụ thể: Khi cán bộ Chi cục Thuế nộp các khoản đóng quỹ và tiền thu thuế các loại, bộ phận kế toán viết phiếu thu, sau đó người nộp tiền cầm phiếu thu đến gặp bị cáo xuất trình phiếu thu và nộp tiền vào quỹ của Chi cục thuế. Bị cáo đối chiếu phiếu thu rồi ghi chép nội dung nộp tiền vào sổ theo dõi, trả lại phiếu thu cho người nộp tiền và nhận tiền cất vào két sắt của Thủ quỹ. Định kỳ, Kế toán viết giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước, sau đó chuyển cho bị cáo để xuất quỹ tiền mặt đi nộp Kho bạc Nhà nước. Nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước xong, bị cáo lấy hóa đơn về báo cáo với kế toán và ghi chép nội dung vào sổ theo dõi của Thủ quỹ. Tương tự đối với các loại quỹ của cơ quan, bị cáo thực hiện việc xuất tiền mặt theo phiếu chi do bộ phận kế toán lập và ghi chép vào sổ theo dõi của Thủ quỹ. Từ cuối năm 1997 đến ngày 30/3/1998, lợi dụng chức trách, nhiệm vụ là Thủ quỹ của Chi cục Thuế huyện T, bị cáo nhiều lần rút tiền mặt từ két sắt Thủ quỹ của Chi cục thuế do bị cáo quản lý để chi tiêu cá nhân (do thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ rõ số lần rút tiền và số tiền rút của mỗi lần). Đến mỗi kỳ xuất quỹ để nộp vào ngân sách Nhà nước, bị cáo đi vay tiền của các cá nhân để nộp vào quỹ cơ quan. Đến ngày 28/3/1998, do gần đến hạn phải nộp tiền thuế vào ngân sách Nhà nước, do số tiền thâm hụt quỹ lớn, không có khả năng trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo đã tự ý bỏ việc cơ quan đi về quê ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, mục đích vay mượn tiền của người thân trong gia đình để trả vào quỹ của cơ quan. Bị cáo nghĩ việc không có lý do, nghi ngờ bị cáo có dấu hiệu vi phạm liên quan đến việc thu, chi tiền quỹ của đơn vị, nên ngày 31/3/1998, Chi cục Thuế huyện T phối hợp với Công an huyện Tuần Giáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tiến hành kiểm tra quỹ cơ quan. Qua kiểm tra, phát hiện bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 73.922.200đ (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*) gồm: (1) Quỹ hành chính 13.333.400đ đồng (*mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng*), (2) quỹ khen thưởng 7.551.200đ (*bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng*), (3) quỹ phúc lợi 1.339.800đ (*một triệu ba trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng*), (4) tiền thuế Ngoài quốc doanh 51.697.800đ (*năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng*). Ngày 14/4/1998, bị cáo quay trở về Chi cục Thuế huyện T trình bày rõ lý do vắng mặt tại cơ quan và xác nhận đã chiếm đoạt số tiền 73.922.200 đồng trong thời gian làm Thủ quỹ. Ngày 04/7/1998, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Lê Thị T về tội: Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 15/8/1998 bị cáo bỏ trốn khỏi huyện Tuần Giáo, ngày 04/9/1998 Cơ quan điều tra, Công an huyện Tuần Giáo đã ra quyết định truy nã số 20. Ngày 25/3/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Tuần Giáo đã bắt được bị cáo Lê Thị T tại địa chỉ: Phường L, thành phố T,

thành phố Hồ Chí Minh và di lý về Công an huyện Tuần Giáo. Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa năm 1998.

Về phần dân sự: Sau khi phạm tội và tại giai đoạn điều tra bị cáo cùng gia đình đã nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt 73.922.200 đồng (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*) để khắc phục hậu quả.

Tại bản Cáo trạng số: 135/CT-VKSTG ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố: Bị cáo Lê Thị T (Lê Thị H) về tội Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1997.

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 133, Điểm a, h Khoản 1, 3 Điều 38, Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1997; xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù và không phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 1985. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị nguyên đơn dân sự trình bày: Từ cuối năm 1997 đến ngày 30/3/1998, Lê Thị T được giao nhiệm vụ là Thủ quỹ của Chi cục Thuế huyện T (nay là Chi Cục thuế khu vực T - T) đã chiếm đoạt số tiền 73.922.200đ (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*). Ngày 25/7/2023 Lê Thị T đã nộp đủ số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Vậy Chi Cục thuế khu vực T - T đề nghị Tòa án xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Lê Thị T. Chi cục Thuế đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án đối với Lê Thị T.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của Bị cáo Lê Thị T (tên gọi khác Lê Thị H) xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. So sánh hai Bộ luật Hình sự thấy, tội phạm quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung tại Luật số: 57-L/CTN ngày 10/5/1997 quy định giá trị chiếm đoạt từ 05 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng nhẹ hơn so với Khoản 1

Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 để truy tố, xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Lê Thị T (tên gọi khác Lê Thị H) là cán bộ của Chi cục Thuế huyện T (nay là Chi Cục thuế khu vực T - T) được giao nhiệm vụ làm thủ quỹ của Chi cục Thuế; từ cuối năm 1997 đến ngày 30/3/1998, lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, bị cáo nhiều lần rút tiền mặt từ kết sổ Thủ quỹ của Chi cục Thuế do bị cáo quản lý để chi tiêu cá nhân (do thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ rõ số lần rút và số tiền rút của mỗi lần) đã chiếm đoạt số tiền là 73.922.200đ (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*). Hành vi của bị cáo phù hợp với Kết luận điều tra; Biên bản mở kho quỹ ngày 30/3/1998 (BL 05-07); Biên bản làm việc ngày 30/3/1998 (BL 08); Báo cáo tình hình vắng mặt cơ quan ngày 16/4/1998 của bị cáo (BL 10); Bản kiểm điểm cá nhân ngày 13/7/1998 của bị cáo (BL 11); báo cáo Chi cục Thuế (BL 16-17, 24-25); tài liệu của Chi cục Thuế huyện T (BL 226-310); lý lịch, lời khai, biên bản làm việc, xác minh của thành phần người kiểm tra quỹ, lãnh đạo, kế toán Chi cục Thuế huyện T (BL 188-225); các biên bản ghi lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung bị cáo (BL 154-156, 159-182, 185-187); đơn đề nghị và thông báo của Chi cục Thuế huyện T về việc nộp tiền khắc phục của bị cáo và giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước (BL 276-280) có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Với hành vi và số tiền đã chiếm đoạt thì bị cáo đã phạm tội: "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung tại Luật số: 57-L/CTN ngày 10/5/1997. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất và mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến tài sản, hoạt động đúng đắn của Chi cục Thuế huyện T. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Tuần Giáo nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cùng gia đình đã nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt 73.922.200 đồng (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*) để khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm a, h Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 1985. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 1985. Xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Kiểm sát viên đề nghị: Xét mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/7/2023 bị cáo Lê Thị T đã nộp đủ số tiền chiếm đoạt là 73.922.200đ (*bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*) cho Chi cục Thuế huyện T (nay là Chi Cục thuế khu vực T - T) để khắc phục hậu quả. Chi cục Thuế không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các vấn đề khác: Bị cáo Lê Thị T khai, từ cuối năm 1997 đến ngày 30/3/1998, bị cáo đã nhiều lần rút tiền mặt từ kết sắt Thủ quỹ của Chi cục Thuế huyện T, nhưng do thời gian đã lâu, bị cáo không nhớ số lần rút tiền và số tiền của mỗi lần rút. Ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần rút tiền nhiều lần và số tiền của mỗi lần rút. Không có căn cứ kết luận bị cáo thực hiện hành vi Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa nhiều lần, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hành vi và các quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 133, Điểm a, h Khoản 1, 3 Điều 38, Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung tại Luật số: 57-L/CTN ngày 10/5/1997.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T (tên gọi khác Lê Thị H) phạm tội Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 01 (*một*) năm 08 (*tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 25/3/2023.

2. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2023). Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP, Sở TP tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo (03 bản);
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương